

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8311

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 10/01/2022
Môn học: Nhập môn Mạng máy tính (502046 - 4 TC)

Giờ thi: 7:30 Lớp thi: 20050281
Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 20

SL:16

Lần:1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000627	Phan Nhật Hoàng Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000628	Đỗ Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000631	Nguyễn Gia Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000885	Nguyễn Hoàng Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000656	Vũ Trường Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000669	Phạm Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000670	Trần Quốc Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000685	Hoàng Tuấn Long			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000683	Lê Kim Tấn Lộc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000897	Trần Lữ Vĩnh Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000692	Nguyễn Minh Nghĩa			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000693	Nguyễn Trung Nghĩa			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000701	Tăng Thế Phong			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000109	Trần Đình Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000906	Nguyễn Thành Trung			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000732	Trần Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8307

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 11/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Nghe 3 (001122 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000629	Nguyễn Ngọc Thùy	An		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000630	Phan Thị Hồng	Anh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000691	Trần Quý	Ân		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000698	Nguyễn An	Bình		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000633	Nguyễn Duy	Cơ		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000952	Trần Ngọc	Châu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000993	Nguyễn Đức	Chiến		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000634	Văn Việt	Danh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000995	Trần Nguyễn Tài	Duyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000703	Đình Long	Đăng		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000714	Ngô Thị Ninh	Giang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000718	Nguyễn Kim Thanh	Giàu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000045	Nguyễn Trình Bảo	Hà		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000725	Trần Nhật	Hào		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000996	Nguyễn Quang	Huy		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000997	Vũ Trần Thu	Huyền		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000746	Trương Lục	Kiên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000066	Nguyễn Đỗ Hoàng	Khanh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000649	Phạm Thị	Liễu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000096	Nguyễn Phạm Ngọc	Linh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8307

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 11/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Nghe 3 (001122 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000754	Nguyễn Văn Thùy Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000967	Nguyễn Bảo Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000651	Nguyễn Thị Sương Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000772	Trần Lê Bảo Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000998	Vũ Thị Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8308

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 11/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:22

Lần:1

Môn học: Nghe 3 (001122 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 20 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000026	Bùi Xuân Chính			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000972	Dương Thị Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000999	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000789	Trần Thảo Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000793	Nguyễn Thị Hồng Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000161	Đỗ Đức Cao Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000976	Nguyễn Thu Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000667	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02001001	Trần Thị Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000829	Nguyễn Việt Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02001004	Trần Nhật Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02001005	Trần Thanh Tuấn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000816	Trần Thị Phương Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000811	Nguyễn Quốc Thắng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000825	Nguyễn Trần Phương Thùy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000835	Nguyễn Kiều Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000986	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000250	Nguyễn Kiều Mộng Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02001006	Tôn Thái Quỳnh Viên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000851	Nguyễn Hồng Hoàng Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8308

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 11/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:22

Lần:1

Môn học: Nghe 3 (001122 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 20 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000854	Hồ Hạ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000857	Nguyễn Hoàng Bảo Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8316

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 12/01/2022

Giờ thi: 16:00

Lớp thi: 21030581-21070581-21050281

SL:16

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh Dự bị 1 (0014B1 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 2113 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52100773	Nguyễn Văn Biên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32100865	Phạm Minh Giang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52100789	Nguyễn Thái Hà			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52100791	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72101236	Nguyễn Thị Hoài			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52100798	Đỗ Văn Hoàng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32101130	Võ Khánh Huy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32100776	Ông Nguyễn Nguyên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32101151	Lưu Yến Nhi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32101156	Lê Thị Hồng Nhung			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52100836	Đặng Ngọc Sang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72101287	Lê Đỗ Xuân Thy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72101290	Thái Thị Thu Trang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32101166	Huỳnh Thị Bích Trâm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32101169	Hồ Thị Ngọc Triển			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32101172	Châu Lê Nhã Trúc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8317

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 12/01/2022

Giờ thi: 16:00

Lớp thi: 20030581-21030581-21050281-

SL:14

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh Dự bị 2 (0014B2 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 2118 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000993	Nguyễn Thị Ngọc Ánh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52100751	Nguyễn Huỳnh Gia Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52100810	Trần Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72101239	Phan Ngọc Bảo Khuyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000692	Nguyễn Minh Nghĩa			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32100803	Nguyễn Thị Như Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72100814	Lê Thị Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52100842	Nguyễn Văn Thịnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72101284	Nguyễn Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72101044	Phùng Long Thị Minh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32101168	Nguyễn Thị Phương Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72101170	Trần Thị Bích Trâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32101173	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52100861	Nguyễn Quang Trường			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8318

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 12/01/2022

Giờ thi: 16:00

Lớp thi: 20070581-20030581-20050281-

SL:23

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh Dự bị 3 (0014B3 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 2119 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001238	Nguyễn Hà Kiều	Anh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001197	Văn Thị Lan	Anh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52100540	Lý Đại	Cương		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52100776	Nguyễn Thị Kim	Chi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72000274	Nguyễn Thị Triêu	Duy		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52100749	Đỗ Minh	Đăng		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000669	Phạm	Huy		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72000318	Trần Nhật Mỹ	Huyền		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32101131	Phạm Thị Minh	Khai		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32100750	Trần Thị Yến	Khoa		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72101257	Huỳnh Thị	Như		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52100826	Nguyễn Quỳnh	Như		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001532	Thái Thành	Phát		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72101266	Trần Minh	Quang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001275	Phạm Nguyễn Ngọc	Quỳnh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001293	Trần Thị Ngọc	Sương		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32100820	Huỳnh Ngọc Mỹ	Tiên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72001820	Quách Vũ Kim	Thi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001286	Trần Quốc	Thiều		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001564	Lê Ngân	Trúc		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8318

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 12/01/2022

Giờ thi: 16:00

Lớp thi: 20070581-20030581-20050281-

SL:23

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh Dự bị 3 (0014B3 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 2119 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32101175	Nguyễn Huyền Vi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000732	Trần Vũ			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001312	Lý Sương Yến			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8300

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 13/01/2022

Giờ thi: 16:00

Lớp thi: 20070581

SL:37

Lần:1

Môn học: Kinh tế vĩ mô (701021 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 41 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001238	Nguyễn Hà Kiều Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001814	Lê Văn Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001240	Lê Thị Tuyết Băng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001462	Nguyễn Thương Uyên Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001791	La Thị Dung			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000274	Nguyễn Thị Triệu Duy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001248	Nguyễn Thị Thuỳ Dương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72000296	Nguyễn Minh Hạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001475	Phạm Thị Ngọc Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001478	Võ Nguyễn Xuân Hiển			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72000312	Nguyễn Quốc Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000318	Trần Nhật Mỹ Huyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001490	Phạm Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001491	Nguyễn Hữu Lâm Kiều			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72000361	Nguyễn Thị Như Muội			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001504	Nguyễn Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001506	Lê Thị Hằng Nga			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000381	Lê Thị Phương Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001515	Đình Hạnh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001817	Phạm Huỳnh Yến Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8300

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 13/01/2022

Giờ thi: 16:00

Lớp thi: 20070581

SL:37

Lần:1

Môn học: Kinh tế vĩ mô (701021 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 41 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001529	Nguyễn Thị Hồng Nhung			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001532	Thái Thành Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72000420	Nguyễn Thành Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000424	Triệu Tú Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001291	Nguyễn Lê Ngọc Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001293	Trần Thị Ngọc Sương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001820	Quách Vũ Kim Thi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	72001544	Thị Thơm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	72000457	Nguyễn Đoàn Cẩm Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	72000463	Từ Nguyễn Như Thủy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	72001553	Trần Ngọc Yến Trâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	72001821	Hồ Trần Ngọc Trâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	72000497	Trần Ngọc Phương Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	72001564	Lê Ngân Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	72001822	Nguyễn Thị Mộng Trường			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	72001811	Võ Triệu Quỳnh Uyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	72001573	Nguyễn Trần Yến Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8298

Trang: 1/4

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 13/01/2022 Giờ thi: 16:00 Lớp thi: 21050281-21030581-21070581-

SL:77

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 52 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32101109	Nguyễn Thị Tuyết Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72101212	Trịnh Hữu Tuấn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72101214	Trương Nhựt Băng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52100773	Nguyễn Văn Biên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52100776	Nguyễn Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52100749	Đỗ Minh Đăng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32100865	Phạm Minh Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72101232	Nguyễn Minh Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52100789	Nguyễn Thái Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52100791	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02100763	Trần Thị Hồng Hiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72101236	Nguyễn Thị Hoài			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52100798	Đỗ Văn Hoàng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52100751	Nguyễn Huỳnh Gia Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32101130	Võ Khánh Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52100801	Nguyễn Khánh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 13/01/2022 Giờ thi: 16:00 Lớp thi: 21050281-21030581-21070581-
Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 52 - Tổ 001 - Đợt 20

SL:77

Lần:1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32101129	Lương Thị Thu	Hương		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52100810	Trần Trung	Kiên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32101131	Phạm Thị Minh	Khai		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72101239	Phan Ngọc Bảo	Khuyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52100820	Nguyễn Lâm Thành	Long		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02100768	Phạm Huệ	Mẫn		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02100866	Nguyễn Diễm	My		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100867	Trần Huyền Thảo	My		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	72101160	Dương Ngọc	Nga		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02100771	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	02100871	Nguyễn Thu	Ngân		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	02100873	Phạm Xuân	Nghi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	72101163	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100875	Đỗ Phan Anh	Nguyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100776	Nguyễn Phạm Thảo	Nguyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	32100776	Ông Nguyên	Nguyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	32101151	Lưu Yến	Nhi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100882	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
39	32101156	Lê Thị Hồng	Nhung		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
40	72101257	Huỳnh Thị	Như		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 13/01/2022 Giờ thi: 16:00 Lớp thi: 21050281-21030581-21070581-

SL:77

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 52 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
41	52100826	Nguyễn Quỳnh	Như		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
42	02100890	Trần Tấn	Phát		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
43	02100784	Nguyễn Thị Như	Phương		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
44	72101266	Trần Minh	Quang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
45	02100897	Hồ Như	Quỳnh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
46	32100803	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
47	52100836	Đặng Ngọc	Sang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
48	52100837	Võ Quang	Sang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
49	02100902	Phùng Thanh	Sơn		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
50	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ	Tâm		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
51	02001001	Trần Thị Mỹ	Tâm		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
52	02100792	Ngô Thủy	Tiên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
53	02100907	Đặng Thanh	Thảo		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
54	72101281	Trần Nữ Diệu	Thảo		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
55	52100842	Nguyễn Văn	Thịnh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
56	02100915	Dương Hoàng Minh	Thu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
57	02100916	Đinh Thị Anh	Thư		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
58	72101283	Lê Minh	Thư		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
59	02100917	Lê Thị Anh	Thư		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
60	72101284	Nguyễn Thị Anh	Thư		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8298

Trang: 4/4

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 13/01/2022 Giờ thi: 16:00 Lớp thi: 21050281-21030581-21070581-

SL:77

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 52 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
61	32100873	Thạch Thị Anh	Thứ		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
62	02100923	Nguyễn Hoài	Thương		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
63	72101287	Lê Đỗ Xuân	Thy		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
64	72101172	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
65	32101168	Nguyễn Thị Phương	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
66	72101290	Thái Thị Thu	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
67	32101166	Huỳnh Thị Bích	Trâm		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
68	72101170	Trần Thị Bích	Trâm		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
69	32101169	Hồ Thị Ngọc	Triển		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
70	32101172	Châu Lê Nhã	Trúc		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
71	32101173	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
72	52100861	Nguyễn Quang	Trường		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
73	02100799	Ngô Lan	Vi		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
74	32101175	Nguyễn Huyền	Vi		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
75	52100868	Hồ Đặng Tuấn	Vũ		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
76	02100946	Trương Ngọc Mỹ	Vy		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
77	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Yến		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8296

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Đọc 3 (001142 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000629	Nguyễn Ngọc Thùy An			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000630	Phan Thị Hồng Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000691	Trần Quý Ân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000698	Nguyễn An Bình			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000633	Nguyễn Duy Cơ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000952	Trần Ngọc Châu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000993	Nguyễn Đức Chiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000634	Văn Việt Danh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000995	Trần Nguyễn Tài Duyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000703	Đình Long Đăng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000714	Ngô Thị Ninh Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000718	Nguyễn Kim Thanh Giàu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000045	Nguyễn Trình Bảo Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000725	Trần Nhật Hào			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000996	Nguyễn Quang Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000997	Vũ Trần Thu Huyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000746	Trương Lục Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000066	Nguyễn Đỗ Hoàng Khanh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000649	Phạm Thị Liễu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000096	Nguyễn Phạm Ngọc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8296

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Đọc 3 (001142 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000754	Nguyễn Văn Thùy Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000967	Nguyễn Bảo Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000651	Nguyễn Thị Sương Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000772	Trần Lê Bảo Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000998	Vũ Thị Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8297

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 20000181

SL:22

Lần:1

Môn học: Đọc 3 (001142 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000026	Bùi Xuân Chính			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000972	Dương Thị Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000999	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000789	Trần Thảo Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000793	Nguyễn Thị Hồng Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000161	Đỗ Đức Cao Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000976	Nguyễn Thu Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000667	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02001001	Trần Thị Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000829	Nguyễn Việt Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02001004	Trần Nhật Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02001005	Trần Thanh Tuấn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000816	Trần Thị Phương Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000811	Nguyễn Quốc Thắng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000825	Nguyễn Trần Phương Thùy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000835	Nguyễn Kiều Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000986	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000250	Nguyễn Kiều Mộng Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02001006	Tôn Thái Quỳnh Viên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000851	Nguyễn Hồng Hoàng Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8297

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 20000181

SL:22

Lần:1

Môn học: Đọc 3 (001142 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000854	Hồ Hạ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000857	Nguyễn Hoàng Bảo Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 20070581

SL:37

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 43 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001238	Nguyễn Hà Kiều Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001814	Lê Văn Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001240	Lê Thị Tuyết Băng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001462	Nguyễn Thương Uyên Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001791	La Thị Dung			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000274	Nguyễn Thị Triệu Duy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001248	Nguyễn Thị Thuỳ Dương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72000296	Nguyễn Minh Hạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001475	Phạm Thị Ngọc Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001478	Võ Nguyễn Xuân Hiển			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72000312	Nguyễn Quốc Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000318	Trần Nhật Mỹ Huyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001490	Phạm Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001491	Nguyễn Hữu Lâm Kiều			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72000361	Nguyễn Thị Như Muội			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001504	Nguyễn Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001506	Lê Thị Hằng Nga			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000381	Lê Thị Phương Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001515	Đình Hạnh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001817	Phạm Huỳnh Yến Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8309

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 20070581

SL:37

Lần:1

Môn học: Nguyên lý quản trị (702051 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 43 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001529	Nguyễn Thị Hồng Nhung			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001532	Thái Thành Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72000420	Nguyễn Thành Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000424	Triệu Tú Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001291	Nguyễn Lê Ngọc Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001293	Trần Thị Ngọc Sương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001820	Quách Vũ Kim Thi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	72001544	Thị Thơm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	72000457	Nguyễn Đoàn Cẩm Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	72000463	Từ Nguyễn Như Thủy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	72001553	Trần Ngọc Yến Trâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	72001821	Hồ Trần Ngọc Trâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	72000497	Trần Ngọc Phương Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	72001564	Lê Ngân Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	72001822	Nguyễn Thị Mộng Trường			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	72001811	Võ Triệu Quỳnh Uyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	72001573	Nguyễn Trần Yến Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8325

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Viết 3 (001152 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000629	Nguyễn Ngọc Thùy	An		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000630	Phan Thị Hồng	Anh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000691	Trần Quý	Ân		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000698	Nguyễn An	Bình		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000633	Nguyễn Duy	Cơ		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000952	Trần Ngọc	Châu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000993	Nguyễn Đức	Chiến		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000634	Văn Việt	Danh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000995	Trần Nguyễn Tài	Duyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000703	Đình Long	Đăng		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000714	Ngô Thị Ninh	Giang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000718	Nguyễn Kim Thanh	Giàu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000045	Nguyễn Trình Bảo	Hà		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000725	Trần Nhật	Hào		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000996	Nguyễn Quang	Huy		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000997	Vũ Trần Thu	Huyền		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000746	Trương Lục	Kiên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000066	Nguyễn Đỗ Hoàng	Khanh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000649	Phạm Thị	Liễu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000096	Nguyễn Phạm Ngọc	Linh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8325

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Viết 3 (001152 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000754	Nguyễn Văn Thùy Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000967	Nguyễn Bảo Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000651	Nguyễn Thị Sương Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000772	Trần Lê Bảo Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000998	Vũ Thị Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:22

Lần:1

Môn học: Viết 3 (001152 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000026	Bùi Xuân Chính			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000972	Dương Thị Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000999	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000789	Trần Thảo Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000793	Nguyễn Thị Hồng Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000161	Đỗ Đức Cao Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000976	Nguyễn Thu Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000667	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02001001	Trần Thị Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000829	Nguyễn Việt Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02001004	Trần Nhật Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02001005	Trần Thanh Tuấn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000816	Trần Thị Phương Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000811	Nguyễn Quốc Thắng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000825	Nguyễn Trần Phương Thùy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000835	Nguyễn Kiều Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000986	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000250	Nguyễn Kiều Mộng Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02001006	Tôn Thái Quỳnh Viên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000851	Nguyễn Hồng Hoàng Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8326

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 14/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:22

Lần:1

Môn học: Viết 3 (001152 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000854	Hồ Hạ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000857	Nguyễn Hoàng Bảo Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8299

Trang: 1/5

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022 Giờ thi: 7:30 Lớp thi: 21000181-21050281-21070581-
Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 20

SL:98

Lần:1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02100465	Bùi Trần Văn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32101109	Nguyễn Thị Tuyết Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72101212	Trịnh Hữu Tuấn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001197	Văn Thị Lan Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52100535	Vũ Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72101214	Trương Nhựt Bằng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52100773	Nguyễn Văn Biên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52100540	Lý Đại Cương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52100776	Nguyễn Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02100529	Trần Thị Bảo Diễm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100472	Lê Nguyễn Huỳnh Du			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52100749	Đỗ Minh Đăng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32100865	Phạm Minh Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72101232	Nguyễn Minh Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52100789	Nguyễn Thái Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52100791	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100763	Trần Thị Hồng Hiền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022 Giờ thi: 7:30 Lớp thi: 21000181-21050281-21070581-

SL:98

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72101236	Nguyễn Thị Hoài			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52100798	Đỗ Văn Hoàng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52100751	Nguyễn Huỳnh Gia Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32101130	Võ Khánh Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52100550	Đạo Thanh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52100801	Nguyễn Khánh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52100551	Nguyễn Quốc Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32101129	Lương Thị Thu Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	52100810	Trần Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	32101131	Phạm Thị Minh Khai			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	32100750	Trần Thị Yến Khoa			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	72101239	Phan Ngọc Bảo Khuyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100482	Nguyễn Thị Trúc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100569	Nguyễn Trần Phương Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	52100820	Nguyễn Lâm Thành Long			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	02100768	Phạm Huệ Mẫn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100866	Nguyễn Diễm My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
39	02100867	Trần Huyền Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
40	72101160	Dương Ngọc Nga			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022 Giờ thi: 7:30 Lớp thi: 21000181-21050281-21070581-

SL:98

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
41	02100771	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
42	02100871	Nguyễn Thu	Ngân		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
43	02100595	Nguyễn Quốc Gia	Nghi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
44	02100873	Phạm Xuân	Nghi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
45	72101163	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
46	02100875	Đỗ Phan Anh	Nguyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
47	02100776	Nguyễn Phạm Thảo	Nguyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
48	32100776	Ông Nguyên	Nguyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
49	32101151	Lưu Yến	Nhi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
50	02100882	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
51	32101156	Lê Thị Hồng	Nhung		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
52	72101257	Huỳnh Thị	Như		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
53	52100826	Nguyễn Quỳnh	Như		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
54	02100890	Trần Tấn	Phát		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
55	52100569	Võ Tiến	Phát		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
56	02100784	Nguyễn Thị Như	Phương		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
57	72101266	Trần Minh	Quang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
58	02100897	Hồ Như	Quỳnh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
59	32100803	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
60	52100836	Đặng Ngọc	Sang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022 Giờ thi: 7:30 Lớp thi: 21000181-21050281-21070581-

SL:98

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
61	52100837	Võ Quang Sang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
62	02100902	Phùng Thanh Sơn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
63	02100619	Trần Huỳnh Mai			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
64	72101040	Trần Thị Huyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
65	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
66	32100820	Huỳnh Ngọc Mỹ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
67	02100792	Ngô Thủy Tiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
68	52100527	Đỗ Quốc Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
69	02100649	Huỳnh Thị Kim			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
70	02100907	Đặng Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
71	72100814	Lê Thị Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
72	72101281	Trần Nữ Diệu Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
73	52100842	Nguyễn Văn Thịnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
74	02100915	Dương Hoàng Minh Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
75	02100916	Đinh Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
76	72101283	Lê Minh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
77	02100917	Lê Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
78	72101284	Nguyễn Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
79	72101044	Phùng Long Thị Minh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
80	32100873	Thạch Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8299

Trang: 5/5

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022 Giờ thi: 7:30 Lớp thi: 21000181-21050281-21070581-

SL:98

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2 (D02032 - 0 T Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
81	02100923	Nguyễn Hoài Thương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
82	72101287	Lê Đỗ Xuân Thy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
83	02100505	Nguyễn Thụy Ngọc Thy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
84	72101172	Nguyễn Thị Huyền Trang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
85	32101168	Nguyễn Thị Phương Trang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
86	72101290	Thái Thị Thu Trang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
87	32101166	Huỳnh Thị Bích Trâm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
88	72101170	Trần Thị Bích Trâm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
89	32101169	Hồ Thị Ngọc Triền			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
90	02100507	Lê Thị Tuyết Trinh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
91	32101172	Châu Lê Nhã Trúc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
92	32101173	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
93	52100861	Nguyễn Quang Trường			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
94	02100799	Ngô Lan Vi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
95	32101175	Nguyễn Huyền Vi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
96	52100868	Hồ Đăng Tuấn Vũ			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
97	02100946	Trương Ngọc Mỹ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
98	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc Yển			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8322

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:23

Lần:1

Môn học: Trung văn 1 (002337 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000629	Nguyễn Ngọc Thùy	An		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000630	Phan Thị Hồng	Anh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000691	Trần Quý	Ân		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000698	Nguyễn An	Bình		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000633	Nguyễn Duy	Cơ		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000952	Trần Ngọc	Châu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000993	Nguyễn Đức	Chiến		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000634	Văn Việt	Danh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000995	Trần Nguyễn Tài	Duyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000703	Đình Long	Đăng		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000714	Ngô Thị Ninh	Giang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000718	Nguyễn Kim Thanh	Giàu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000045	Nguyễn Trình Bảo	Hà		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000725	Trần Nhật	Hào		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000996	Nguyễn Quang	Huy		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000997	Vũ Trần Thu	Huyền		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000066	Nguyễn Đỗ Hoàng	Khanh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000649	Phạm Thị	Liểu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000096	Nguyễn Phạm Ngọc	Linh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000754	Nguyễn Văn Thùy	Linh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8322

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:23

Lần:1

Môn học: Trung văn 1 (002337 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000651	Nguyễn Thị Sương Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000772	Trần Lê Bảo Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000998	Vũ Thị			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8323

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:20

Lần:1

Môn học: Trung văn 1 (002337 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000026	Bùi Xuân Chính			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000972	Dương Thị Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000999	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000789	Trần Thảo Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000793	Nguyễn Thị Hồng Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000161	Đỗ Đức Cao Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000667	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02001001	Trần Thị Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02001004	Trần Nhật Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02001005	Trần Thanh Tuấn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000816	Trần Thị Phương Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000811	Nguyễn Quốc Thắng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000825	Nguyễn Trần Phương Thùy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000835	Nguyễn Kiều Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000986	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000250	Nguyễn Kiều Mộng Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02001006	Tôn Thái Quỳnh Viên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000851	Nguyễn Hồng Hoàng Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000854	Hồ Hạ Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000857	Nguyễn Hoàng Bảo Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8319

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 17/01/2022

Giờ thi: 16:00

Lớp thi: 21070581

SL:20

Lần:1

Môn học: Toán kinh tế (C01120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 29 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72101212	Trịnh Hữu Tuấn	Anh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72101214	Trương Nhựt	Băng		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72101232	Nguyễn Minh	Hà		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72101236	Nguyễn Thị	Hoài		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72101239	Phan Ngọc Bảo	Khuyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72101160	Dương Ngọc	Nga		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72101163	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72101257	Huỳnh Thị	Như		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72101266	Trần Minh	Quang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72101040	Trần Thị Huyền	Sương		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72100814	Lê Thị Thanh	Thảo		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72101281	Trần Nữ Diệu	Thảo		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72101283	Lê Minh	Thư		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72101284	Nguyễn Thị Anh	Thư		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72101044	Phùng Long Thị Minh	Thư		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72101287	Lê Đỗ Xuân	Thy		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72101172	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72101290	Thái Thị Thu	Trang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72101170	Trần Thị Bích	Trâm		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001564	Lê Ngân	Trúc		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8295

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 18/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Đọc 1 (001140 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02100465	Bùi Trần Văn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02100529	Trần Thị Bảo Diễm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02100472	Lê Nguyễn Huỳnh Du			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02100763	Trần Thị Hồng Hiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02100482	Nguyễn Thị Trúc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02100569	Nguyễn Trần Phương Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02100768	Phạm Huệ Mẫn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02100866	Nguyễn Diễm My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100867	Trần Huyền Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02100771	Nguyễn Ngọc Kim Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02100871	Nguyễn Thu Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02100595	Nguyễn Quốc Gia Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02100873	Phạm Xuân Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02100875	Đỗ Phan Anh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02100776	Nguyễn Phạm Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100882	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8295

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 18/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Đọc 1 (001140 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02100890	Trần Tấn Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02100784	Nguyễn Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02100897	Hồ Như Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02100902	Phùng Thanh Sơn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02100619	Trần Huỳnh Mai			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02100792	Ngô Thủy Tiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100649	Huỳnh Thị Kim Tuyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02100907	Đặng Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02100915	Dương Hoàng Minh Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	02100916	Đinh Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	02100917	Lê Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	02100923	Nguyễn Hoài Thương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100505	Nguyễn Thụy Ngọc Thy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100507	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	02100799	Ngô Lan Vi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	02100946	Trương Ngọc Mỹ Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc Yến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8320

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 18/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21050281

SL:22

Lần:1

Môn học: Tổ chức máy tính (502044 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52100535	Vũ Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52100773	Nguyễn Văn Biên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52100540	Lý Đại Cương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52100776	Nguyễn Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52100749	Đỗ Minh Đăng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52100789	Nguyễn Thái Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52100791	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52100798	Đỗ Văn Hoàng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52100751	Nguyễn Huỳnh Gia Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52100550	Đạo Thanh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52100801	Nguyễn Khánh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52100551	Nguyễn Quốc Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52100810	Trần Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52100820	Nguyễn Lâm Thành Long			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52100826	Nguyễn Quỳnh Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52100569	Võ Tiến Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52100836	Đặng Ngọc Sang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52100837	Võ Quang Sang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52100527	Đỗ Quốc Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52100842	Nguyễn Văn Thịnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8320

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 18/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21050281

SL:22

Lần:1

Môn học: Tổ chức máy tính (502044 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52100861	Nguyễn Quang Trường			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52100868	Hồ Đặng Tuấn Vũ			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8313

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 18/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 20070581-20030581

SL:20

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh 1 (001411 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 2119 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001814	Lê Văn Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001462	Nguyễn Thương Uyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001248	Nguyễn Thị Thuỳ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72000296	Nguyễn Minh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000879	Vũ Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000312	Nguyễn Quốc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001491	Nguyễn Hữu Lâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000882	Đậu Thị			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001240	Phạm Thị Thùy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72000361	Nguyễn Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001504	Nguyễn Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001244	Võ Phan Kiều			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000381	Lê Thị Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001529	Nguyễn Thị Hồng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001261	Nguyễn Thị Phi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72000424	Triệu Tú			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001271	Hoàng Thị Hồng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32001293	Lê Huyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001811	Võ Triệu Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001573	Nguyễn Trần Yến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8314

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 18/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 20050281-21050281-21070581-

SL:20

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh 1 (001411 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 2120 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32101109	Nguyễn Thị Tuyết Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000627	Phan Nhật Hoàng Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000628	Đỗ Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72101214	Trương Nhật Băng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000885	Nguyễn Hoàng Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000670	Trần Quốc Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52100550	Đạo Thanh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52100801	Nguyễn Khánh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32101129	Lương Thị Thu Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000685	Hoàng Tuấn Long			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52100820	Nguyễn Lâm Thành Long			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000683	Lê Kim Tấn Lộc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000897	Trần Lữ Vinh Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72101163	Nguyễn Thị Huỳnh Ngọc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52100569	Võ Tiến Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000109	Trần Đình Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32100873	Thạch Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72101172	Nguyễn Thị Huyền Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000906	Nguyễn Thành Trung			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52100868	Hồ Đặng Tuấn Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ

Mã: 8315

Trang: 1/2

* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 18/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 20070581-20030581-20050281-

SL:21

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh 2 (001412 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 20 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000631	Nguyễn Gia Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52100535	Vũ Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001240	Lê Thị Tuyết			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000656	Vũ Trường Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001475	Phạm Thị Ngọc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52100551	Nguyễn Quốc Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001329	Đình Đoàn Mạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001490	Phạm Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000693	Nguyễn Trung Nghĩa			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001817	Phạm Huỳnh Yến Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001270	Phạm Thị Lan Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001291	Nguyễn Lê Ngọc Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72101040	Trần Thị Huyền Sương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000889	Phan Lê Thị Bạch Tuyết			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72101281	Trần Nữ Diệu Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001544	Thị Thơm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72000457	Nguyễn Đoàn Cẩm Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000463	Từ Nguyễn Như Thủy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001821	Hồ Trần Ngọc Trân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001822	Nguyễn Thị Mộng Trường			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ

Mã: 8315

Trang: 2/2

* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 18/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 20070581-20030581-20050281-

SL:21

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh 2 (001412 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 20 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32001120	Nguyễn Huỳnh Xuân Yên			.		① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8306

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 19/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02100465	Bùi Trần Văn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02100529	Trần Thị Bảo Diễm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02100472	Lê Nguyễn Huỳnh Du			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02100763	Trần Thị Hồng Hiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02100482	Nguyễn Thị Trúc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02100569	Nguyễn Trần Phương Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02100768	Phạm Huệ Mẫn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02100866	Nguyễn Diễm My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100867	Trần Huyền Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02100771	Nguyễn Ngọc Kim Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02100871	Nguyễn Thu Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02100595	Nguyễn Quốc Gia Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02100873	Phạm Xuân Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02100875	Đỗ Phan Anh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02100776	Nguyễn Phạm Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100882	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8306

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 19/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02100890	Trần Tấn Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02100784	Nguyễn Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02100897	Hồ Như Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02100902	Phùng Thanh Sơn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02100619	Trần Huỳnh Mai			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02100792	Ngô Thủy Tiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100649	Huỳnh Thị Kim Tuyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02100907	Đặng Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02100915	Dương Hoàng Minh Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	02100916	Đinh Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	02100917	Lê Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	02100923	Nguyễn Hoài Thương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100505	Nguyễn Thụy Ngọc Thy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100507	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	02100799	Ngô Lan Vi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	02100946	Trương Ngọc Mỹ Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc Yến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8312

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 19/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 21030581-21070581

SL:37

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 113 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32101109	Nguyễn Thị Tuyết Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72101212	Trịnh Hữu Tuấn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72101214	Trương Nhật Bằng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32100865	Phạm Minh Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72101232	Nguyễn Minh Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72101236	Nguyễn Thị Hoài			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32101130	Võ Khánh Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32101129	Lương Thị Thu Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32101131	Phạm Thị Minh Khai			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32100750	Trần Thị Yến Khoa			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72101239	Phan Ngọc Bảo Khuyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72101160	Dương Ngọc Nga			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72101163	Nguyễn Thị Huỳnh Ngọc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32100776	Ông Nguyễn Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32101151	Lưu Yến Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32101156	Lê Thị Hồng Nhung			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72101257	Huỳnh Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72101266	Trần Minh Quang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32100803	Nguyễn Thị Như Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72101040	Trần Thị Huyền Sương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8312

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 19/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 21030581-21070581

SL:37

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 113 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32100820	Huỳnh Ngọc Mỹ Tiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72100814	Lê Thị Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72101281	Trần Nữ Diệu Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72101283	Lê Minh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72101284	Nguyễn Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72101044	Phùng Long Thị Minh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32100873	Thạch Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	72101287	Lê Đỗ Xuân Thy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	72101172	Nguyễn Thị Huyền Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	32101168	Nguyễn Thị Phương Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	72101290	Thái Thị Thu Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	32101166	Huỳnh Thị Bích Trâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	72101170	Trần Thị Bích Trâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	32101169	Hồ Thị Ngọc Triển			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	32101172	Châu Lê Nhã Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	32101173	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	32101175	Nguyễn Huyền Vi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8310

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 20/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Ngữ pháp (001198 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02100465	Bùi Trần Văn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02100529	Trần Thị Bảo Diễm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02100472	Lê Nguyễn Huỳnh Du			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02100763	Trần Thị Hồng Hiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02100482	Nguyễn Thị Trúc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02100569	Nguyễn Trần Phương Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02100768	Phạm Huệ Mẫn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02100866	Nguyễn Diễm My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100867	Trần Huyền Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02100771	Nguyễn Ngọc Kim Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02100871	Nguyễn Thu Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02100595	Nguyễn Quốc Gia Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02100873	Phạm Xuân Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02100875	Đỗ Phan Anh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02100776	Nguyễn Phạm Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100882	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8310

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 20/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Ngữ pháp (001198 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02100890	Trần Tấn Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02100784	Nguyễn Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02100897	Hồ Như Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02100902	Phùng Thanh Sơn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02100619	Trần Huỳnh Mai			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02100792	Ngô Thủy Tiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100649	Huỳnh Thị Kim Tuyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02100907	Đặng Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02100915	Dương Hoàng Minh Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	02100916	Đinh Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	02100917	Lê Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	02100923	Nguyễn Hoài Thương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100505	Nguyễn Thụy Ngọc Thy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100507	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	02100799	Ngô Lan Vi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	02100946	Trương Ngọc Mỹ Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc Yến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8321

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 20/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 20070581

SL:37

Lần:1

Môn học: Thống kê trong kinh doanh và kinh tế (C01136 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 20 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001238	Nguyễn Hà Kiều Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001814	Lê Văn Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001240	Lê Thị Tuyết Băng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001462	Nguyễn Thương Uyên Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001791	La Thị Dung			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000274	Nguyễn Thị Triệu Duy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001248	Nguyễn Thị Thuỳ Dương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72000296	Nguyễn Minh Hạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001475	Phạm Thị Ngọc Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001478	Võ Nguyễn Xuân Hiển			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72000312	Nguyễn Quốc Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000318	Trần Nhật Mỹ Huyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001490	Phạm Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001491	Nguyễn Hữu Lâm Kiều			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72000361	Nguyễn Thị Như Muội			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001504	Nguyễn Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001506	Lê Thị Hằng Nga			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000381	Lê Thị Phương Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001515	Đình Hạnh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001817	Phạm Huỳnh Yến Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8321

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 20/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 20070581

SL:37

Lần:1

Môn học: Thống kê trong kinh doanh và kinh tế (C01136 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 20 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001529	Nguyễn Thị Hồng Nhung			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001532	Thái Thành Phát			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72000420	Nguyễn Thành Phương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000424	Triệu Tú Phương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001291	Nguyễn Lê Ngọc Quỳnh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001293	Trần Thị Ngọc Sương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001820	Quách Vũ Kim Thi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	72001544	Thị Thơm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	72000457	Nguyễn Đoàn Cẩm Thu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	72000463	Từ Nguyễn Như Thủy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	72001553	Trần Ngọc Yến Trâm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	72001821	Hồ Trần Ngọc Trân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	72000497	Trần Ngọc Phương Trinh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	72001564	Lê Ngân Trúc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	72001822	Nguyễn Thị Mộng Trường			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	72001811	Võ Triệu Quỳnh Uyên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	72001573	Nguyễn Trần Yến Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8293

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 20/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000629	Nguyễn Ngọc Thùy An			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000630	Phan Thị Hồng Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000691	Trần Quý Ân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000698	Nguyễn An Bình			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000633	Nguyễn Duy Cơ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000952	Trần Ngọc Châu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000993	Nguyễn Đức Chiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000634	Văn Việt Danh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000995	Trần Nguyễn Tài			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000703	Đình Long Đăng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000714	Ngô Thị Ninh Giang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000718	Nguyễn Kim Thanh Giàu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000045	Nguyễn Trình Bảo Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000725	Trần Nhật Hào			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000996	Nguyễn Quang Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000997	Vũ Trần Thu Huyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000746	Trương Lục Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000066	Nguyễn Đỗ Hoàng Khanh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000649	Phạm Thị Liễu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000096	Nguyễn Phạm Ngọc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8293

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 20/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000754	Nguyễn Văn Thùy Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000967	Nguyễn Bảo Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000651	Nguyễn Thị Sương Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000772	Trần Lê Bảo Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000998	Vũ Thị Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8294

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 20/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:22

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000026	Bùi Xuân Chính			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000972	Dương Thị Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000999	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000789	Trần Thảo Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000793	Nguyễn Thị Hồng Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000161	Đỗ Đức Cao Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000976	Nguyễn Thu Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000667	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02001001	Trần Thị Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000829	Nguyễn Việt Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02001004	Trần Nhật Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02001005	Trần Thanh Tuấn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000816	Trần Thị Phương Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000811	Nguyễn Quốc Thắng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000825	Nguyễn Trần Phương Thùy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000835	Nguyễn Kiều Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000986	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000250	Nguyễn Kiều Mộng Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02001006	Tôn Thái Quỳnh Viên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000851	Nguyễn Hồng Hoàng Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8294

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 20/01/2022

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 20000181

SL:22

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000854	Hồ Hạ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000857	Nguyễn Hoàng Bảo Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8324

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Viết 1 (001150 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02100465	Bùi Trần Văn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02100529	Trần Thị Bảo Diễm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02100472	Lê Nguyễn Huỳnh Du			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02100763	Trần Thị Hồng Hiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02100482	Nguyễn Thị Trúc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02100569	Nguyễn Trần Phương Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02100768	Phạm Huệ Mẫn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02100866	Nguyễn Diễm My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100867	Trần Huyền Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02100771	Nguyễn Ngọc Kim Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02100871	Nguyễn Thu Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02100595	Nguyễn Quốc Gia Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02100873	Phạm Xuân Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02100875	Đỗ Phan Anh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02100776	Nguyễn Phạm Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100882	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8324

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Viết 1 (001150 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02100890	Trần Tấn Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02100784	Nguyễn Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02100897	Hồ Như Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02100902	Phùng Thanh Sơn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02100619	Trần Huỳnh Mai			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02100792	Ngô Thủy Tiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100649	Huỳnh Thị Kim Tuyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02100907	Đặng Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02100915	Dương Hoàng Minh Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	02100916	Đinh Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	02100917	Lê Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	02100923	Nguyễn Hoài Thương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100505	Nguyễn Thụy Ngọc Thy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100507	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	02100799	Ngô Lan Vi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	02100946	Trương Ngọc Mỹ Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc Yến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8302

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 20000181

SL:12

Lần:1

Môn học: Nói 3 (001132 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000725	Trần Nhật Hào			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000996	Nguyễn Quang Huy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000997	Vũ Trần Thu Huyền			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000746	Trương Lục Kiên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000066	Nguyễn Đỗ Hoàng Khanh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000649	Phạm Thị Liểu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000096	Nguyễn Phạm Ngọc Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000754	Nguyễn Văn Thùy Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000967	Nguyễn Bảo Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000651	Nguyễn Thị Sương Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000772	Trần Lê Bảo Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000998	Vũ Thị Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8303

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 20000181

SL:13

Lần:1

Môn học: Nói 3 (001132 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 002 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000629	Nguyễn Ngọc Thùy An			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000630	Phan Thị Hồng Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000691	Trần Quý Ân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000698	Nguyễn An Bình			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000633	Nguyễn Duy Cơ			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000952	Trần Ngọc Châu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000993	Nguyễn Đức Chiến			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000634	Văn Việt Danh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000995	Trần Nguyễn Tài Duyên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000703	Đình Long Đăng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000714	Ngô Thị Ninh Giang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000718	Nguyễn Kim Thanh Giàu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000045	Nguyễn Trình Bảo Hà			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8304

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 20000181

SL:10

Lần:1

Môn học: Nói 3 (001132 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000829	Nguyễn Việt Tiến			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02001004	Trần Nhật Tiến			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02001005	Trần Thanh Tuấn			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000825	Nguyễn Trần Phương Thùy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000986	Lê Thị Tuyết Trinh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000250	Nguyễn Kiều Mộng Trúc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02001006	Tôn Thái Quỳnh Viên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000851	Nguyễn Hồng Hoàng Vũ			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000854	Hồ Hạ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000857	Nguyễn Hoàng Bảo Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8305

Trang: 1/1

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 20000181

SL:11

Lần:1

Môn học: Nói 3 (001132 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 002 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000026	Bùi Xuân Chính			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000972	Dương Thị Thảo Nguyên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000999	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000789	Trần Thảo Như			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000793	Nguyễn Thị Hồng Phúc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000161	Đỗ Đức Cao Phương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000976	Nguyễn Thu Phương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000667	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02001001	Trần Thị Mỹ Tâm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000816	Trần Thị Phương Thảo			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000811	Nguyễn Quốc Thắng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 8301

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Nói 1 (001130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02100465	Bùi Trần Văn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02100529	Trần Thị Bảo Diễm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02100472	Lê Nguyễn Huỳnh Du			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02100763	Trần Thị Hồng Hiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02100482	Nguyễn Thị Trúc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02100569	Nguyễn Trần Phương Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02100768	Phạm Huệ Mẫn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02100866	Nguyễn Diễm My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100867	Trần Huyền Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02100771	Nguyễn Ngọc Kim Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02100871	Nguyễn Thu Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02100595	Nguyễn Quốc Gia Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02100873	Phạm Xuân Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02100875	Đỗ Phan Anh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02100776	Nguyễn Phạm Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100882	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 21/01/2022

Giờ thi: 9:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Nói 1 (001130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 20

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02100890	Trần Tấn Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02100784	Nguyễn Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02100897	Hồ Như Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02100902	Phùng Thanh Sơn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02100619	Trần Huỳnh Mai			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02100792	Ngô Thủy Tiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100649	Huỳnh Thị Kim Tuyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02100907	Đặng Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02100915	Dương Hoàng Minh Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	02100916	Đinh Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	02100917	Lê Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	02100923	Nguyễn Hoài Thương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100505	Nguyễn Thụy Ngọc Thy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100507	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	02100799	Ngô Lan Vi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	02100946	Trương Ngọc Mỹ Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc Yến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	